

DỰ THẢO LYK

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY
ĐỊNH PHÂN BỐ (ĐIỀU HÒA) SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG
TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đính kèm Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026 của Sở Tài chính)

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ- CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Tại Điều 3 (Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác): <i>“1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô;</i> 5. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô: a) Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu	1. Thẩm quyền quyết định quy định: Ủy ban nhân dân Thành phố. 2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh (Điều 1): 2.1 Phạm vi điều chỉnh a) Quyết định này quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô một cầu, hai cầu; xe ô tô con Pickup, xe ô tô tải Pickup cabin kép (gọi tắt là xe ô tô bán tải)) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng theo quy định. b) Quyết định này không áp dụng đối với số lượng	Nội dung xây dựng phù hợp với quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP. Việc ban hành quy định phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng xe ô tô, làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô nhằm đảm bảo theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>chuẩn, định mức.</i> <i>Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. ...</i> <i>6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.</i> <i>Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực</i>	xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Thành ủy, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành ủy (trừ Đảng ủy cấp xã) và doanh nghiệp nhà nước. c) Những nội dung liên quan đến quy định về xe ô tô phục vụ công tác chung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. 2.2 Đối tượng áp dụng a) Các Văn phòng cấp Thành phố (trừ Văn phòng Thành ủy); các sở, ban, ngành Thành phố và tương đương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (bao gồm đảng ủy xã) (sau đây gọi là các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương). b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung. 3. Xác định tiêu chuẩn,	

¹ tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>thi hành là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh² phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.</i> <i>Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục, các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện.</i> <i>9. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan,</i>	định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 2) - Xe ô tô phục vụ công tác chung của các Văn phòng Thành phố được xác định, xây dựng theo khoản 1 Điều 11 - Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các sở, ban, ngành và cơ quan hành chính khác thuộc UBND Thành phố, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố được xác định, xây dựng theo khoản 3 Điều 11 và khoản 1 Điều 14 - Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã theo Điều 11a - Xe ô tô phục vụ công tác chung của các Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố được xác định, xây dựng theo khoản 4, 5 Điều 11 và khoản 1 Điều 14 - Ngoài số xe ô tô đã được xác định nêu trên, các cơ quan, đơn vị có hoạt động đặc thù, được giao thực hiện nhiệm vụ: kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, bảo trợ xã hội, phục vụ người có công, quản lý thị trường,... được thêm số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung để	

² tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.”</i> - Tại Điều 8 (Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung) <i>“1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.</i> <i>2. ³Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):</i> <i>a) ...</i> <i>d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.</i> <i>e) Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.</i> <i>h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ</i>	thực hiện nhiệm vụ theo khoản 5 Điều 8. 4. Nguyên tắc xác định mức giá xe ô tô: a) Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi, xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi thì mức giá có thể cao hơn nhưng không quá 1.300 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi), không quá 1.600 triệu đồng/xe (đối với xe ô tô 02 cầu loại 07 hoặc 08 chỗ ngồi). Mức giá xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; phí bảo hiểm. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào mức	

³ tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
chức, đơn vị. ... 5.⁴ Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 11 và 11a Nghị định này, ... Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. 6.⁵ Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: a) Không thực hiện phân bổ số lượng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 5 Điều này. b) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ số lượng xe ô tô cụ thể như sau: ... b4) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho	giá xe để xác định tiêu chuẩn, định mức. b) Xe ô tô phục vụ công tác chung thuộc Danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia được ban hành theo Thông tư số 69/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính. Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, Đơn vị mua sắm tập trung của Thành phố (Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố thuộc Sở Tư pháp) được xây dựng giá dự toán mua xe ô tô cao hơn mức giá đã quy định nhưng mức giá tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Quyết định này, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua để làm cơ sở tổ chức thực hiện mua sắm tập trung theo quy định. Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về ngân sách Nhà nước, và pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc công khai, tiết kiệm, hiệu quả.	

⁴ tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

⁵ tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (không bao gồm Đảng ủy cấp xã).</i> <i>b5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy); từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, từng tổ chức chính trị - xã hội; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; từng xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã).</i> <i>b6) Việc phân bổ theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng cơ quan, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này) nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ số lượng xe của các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này). Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm này quyết định phân bổ số lượng xe cho từng đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện phân bổ theo quy định tại điểm này.</i> ...		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>d) Số lượng xe sau khi được phân bổ tại điểm b, điểm c khoản này là định mức về số lượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.</i> <i>đ) Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung tại điểm b, điểm c khoản này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”</i> - Tại Điều 11⁶ (Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh) <i>“1. Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xác định như sau:</i> <i>a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh:</i> <i>a1) Tối đa 10 xe/Văn phòng.</i> <i>a2) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh tại tiết a1 điểm này và được xác định như sau:</i> <i>Đối với các đơn vị sự nghiệp công</i>		

⁶ tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Định mức xác định theo khoản 4 Điều này.</i> <i>Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Định mức xác định theo khoản 5 Điều này.</i> <i>Đối với các đơn vị còn lại xác định như sau: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</i> <i>b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại: ...</i> <i>c) Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.</i> <i>d) Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản này để phục vụ công tác.</i> <i>2. ...</i> <i>3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) (không phải là các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này).</i> <i>a) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức</i>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>chính trị - xã hội cấp tỉnh)</i> <i>a1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</i> <i>a2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</i> <i>a3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</i> <i>a4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</i> <i>a5) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</i> <i>a6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:</i> <i>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.</i> <i>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.</i> <i>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.</i> <i>Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều</i>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí.</i> <i>b) Trường hợp sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) có các đơn vị (Chi cục, trung tâm và các cơ quan, đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh):</i> <i>b1) Đối với đơn vị có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này.</i> <i>b2) Đối với đơn vị có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này; số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và được xác định như tiết a2 điểm a khoản 1 Điều này.</i> <i>4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy</i>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được xác định như sau:</i> <i>a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</i> <i>b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</i> <i>c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</i> <i>d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</i> <i>đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.</i> <i>e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.</i> <i>g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.</i> <i>5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau:</i> <i>a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</i> <i>b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</i> <i>c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03</i>		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>xe/01 đơn vị.</i> <i>d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</i> <i>đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.</i> <i>e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.</i> <i>g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.”.</i> <i>- Tại Điều 11a⁷ (Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã):</i> <i>“Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.”.</i> <i>- Tại khoản 1 Điều 14 (Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án):</i> <i>“1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:</i> <i>a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.</i> <i>b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp</i>		

⁷ tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.”</i> - Tại khoản 1 Điều 15 (Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung): <i>“1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh⁸, căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.”</i>		

SỞ TÀI CHÍNH

⁸ tại điểm h khoản 2 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP